

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam - Năm báo cáo 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty cổ phần Procimex Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400100506 ngày 11/06/2013

Vốn điều lệ: 30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng)

Địa chỉ: 60 Đà Sơn 2, P. Hoà Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.

Số điện thoại: 0236.3.737.077

Số fax: 0236.3.737.789

Website: procimex.com.vn

Mã cổ phiếu: PRO

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Kinh doanh chế biến hàng XNK Đà Nẵng trước đây là xí nghiệp chăn nuôi và chế biến gia súc trực thuộc Công ty Nông sản thực phẩm QNĐN.

- Năm 1990, đơn vị tách ra khỏi công ty và được đổi tên là Xí nghiệp chế biến thực phẩm đông lạnh xuất khẩu, là đơn vị hoạch toán độc lập thuộc Sở thương mại QNĐN theo quyết định số 311/QĐUB ngày 08/03/1990 của Ủy ban nhân dân Tỉnh QNĐN.

- Năm 1992, đơn vị được sắp xếp trao quyền sử dụng và bảo toàn phát triển vốn theo quyết định số 766/QĐUB ngày 11/03/1992 của UBND Tỉnh QNĐN.

- Năm 1994, được đổi tên thành Công ty Kinh doanh Chế biến hàng XNK- QNĐN theo quyết định số 725/QĐUB ngày 24/04/1994 mà UBND Tỉnh QNĐN, trực thuộc sự quản lý của Nhà nước do Sở Thương mại cấp giấy phép kinh doanh số 03/11/1016 ngày 01/01/1994.

Tên công ty: Công ty Kinh doanh Chế biến hàng XNK Đà Nẵng

Tên giao dịch: Công ty Kinh doanh Chế biến hàng XNK Đà Nẵng



Địa chỉ: Lô C1 Khu công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng.

- Năm 2007, Quyết định về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Kinh doanh Chế biến hàng XNK Đà Nẵng thành Công ty cổ phần Procimex Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3203001785 ngày 02 tháng 01 năm 2008.

Tên công ty: Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam

Địa chỉ: Tổ 112, Khối Đà Sơn, P. Hoà Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3.737.077 / 3.737.789

Email : info@procimex.com.vn

- Thời điểm niêm yết: 10/10/2014

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản, súc sản, nông sản. Kinh doanh nông ngư nghiệp. Dịch vụ sơ chế các sản phẩm nông nghiệp bao gồm: thủy sản, súc sản, gia cầm, nông sản. Dịch vụ cấp đông và bảo quản lạnh các sản phẩm đông lạnh.

- Địa bàn kinh doanh :

+ Trong nước: Thành phố Đà Nẵng – Việt Nam.

+ Khu vực ngoài nước: Các nước trên Thế giới, thị trường các nước Trung Đông.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị.

Cơ cấu bộ máy quản lý.

Công ty con: Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Đà Nẵng (tiền thân là Trung tâm chế biến Gia súc Gia cầm Đà Nẵng)

Địa chỉ: 60 Đà Sơn 2, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Vốn điều lệ 20 tỷ đồng, tỷ lệ góp vốn của Công ty: 100%

Cung cấp các dịch vụ giết mổ, chế biến gia súc gia cầm.

Công ty góp vốn: Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao Kenai

Địa chỉ: Số nhà 19, thôn Thanh Sơn, Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

Vốn điều lệ 55 tỷ đồng, tỷ lệ góp vốn của Công ty: 48%

Chuyên kinh doanh và sản xuất phân vi sinh hữu cơ, kinh doanh nông sản như tiêu, cà phê.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Mở rộng thị trường tiêu thụ, phát triển thêm

các mặt hàng, tăng doanh thu.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn
- Các mục tiêu phát triển bền vững: Trước mắt, có thể làm những sản phẩm giá trị gia tăng từ những sản phẩm đã làm tại Công ty, sau đó có thể phát triển thêm những sản phẩm khác tùy thuộc vào tình hình nguyên liệu và nhu cầu tiêu thụ của khách hàng.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: tích cực nghiên cứu và mua sắm các hệ thống xử lý nước thải, đã kết hợp với các chuyên gia tư vấn về môi trường và luôn có ý thức bảo vệ môi trường. Ban lãnh đạo công ty chủ động, tích cực trong việc tìm kiếm thị trường, tăng việc làm và thu nhập cho người lao động.

5. Các rủi ro: Do tình hình kinh tế thế giới bất ổn nên cũng gây ảnh hưởng không ít tới nền kinh tế thị trường trong nước. Do ảnh hưởng của dịch COVID từ đầu năm 2020 nên ảnh hưởng nghiêm trọng đến doanh thu của Công ty năm 2020

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

| TT | Chỉ tiêu | KH 2020 | TH 2020 | Chênh lệch |
|------------|---|------------------|------------------|-------------|
| I- | Sản lượng sản xuất và tiêu thụ | | | |
| 1- | DV chế biến gia súc gia cầm (con) | | | |
| | Dịch vụ chế biến heo | 410,000 | 258,133 | -37% |
| | Dịch vụ chế biến bê | 3,200 | 2,312 | -28% |
| | Dịch vụ chế biến dê | 800 | 557 | -30% |
| | Dịch vụ chế biến bò | 18,000 | 15,864 | -12% |
| | Dịch vụ chế biến gia cầm | 450,000 | 248,350 | -45% |
| II- | Chỉ tiêu tài chính (triệu đồng) | | | |
| 1- | DT thuần bán hàng, cung cấp DV | | | |
| | Doanh thu DV gia súc gia cầm | 23,000 | 13,251 | -42% |
| 2- | Doanh thu khác | | | |
| 3- | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1,000 | 667 | -33% |
| III | Chỉ tiêu khác | | | |
| 1- | Tiền lương (triệu đồng) | 855.0 | 864.8 | 1% |
| 2- | Lao động (người) | 15 | 15 | 0% |
| 3- | Thu nhập bình quân (đồng/ng/tháng) | 5,700,000 | 5,765,432 | 1% |

- Các kết quả đạt được trong năm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được thể hiện chi tiết trong Báo cáo tài chính 2020 đã được kiểm toán.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

+ Ông: Phạm Tuấn Anh

Tổng giám đốc

+ Ông: Lê Tất Chánh

Phó Tổng giám đốc

+ Bà: Bùi Thị Thanh Thúy

Phụ trách Kế toán

Số lượng cán bộ, nhân viên:

| TT | NỘI DUNG | 31/12/2020 | |
|-----------|------------------------------------|------------|-------------|
| | | SỐ NGƯỜI | TỶ LỆ |
| I | Phân theo trình độ lao động | 15 | 100% |
| 1 | Trình độ trên đại học | 1 | 6,67% |
| 2 | Trình độ đại học | 4 | 26,67% |
| 3 | Trình độ cao đẳng | | |
| 4 | Công nhân kỹ thuật | | |
| 5 | Sơ cấp lao động phổ thông | 10 | 66,66% |
| 6 | Lao động khác | | |
| II | Phân theo tính chất HĐLĐ | 15 | 100% |
| 1 | Lao động hợp đồng từ 1-3 năm | | |
| 2 | Lao động hợp đồng không xác định | 15 | 100% |
| 3 | Lao động thời gian thử việc | 0 | 0% |

Những chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Đối với những người lao động chưa qua đào tạo công ty sẽ cho học tay nghề theo giáo trình với nội dung toàn diện, được biên soạn sát với thực tế sản xuất và các đơn hàng trong nhiều năm qua. Mục tiêu chung sau giai đoạn đào tạo là công nhân có tay nghề, kỹ năng nhất định, đủ khả năng tự học từ thực tế lao động và đáp ứng được yêu cầu trên chuyên sản xuất. Đối với những lao động đã tham gia các khóa đào tạo tay nghề và thi kiểm tra thì Công ty sẽ tiến hành ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc sẽ tăng hệ số lương. Công ty có chính sách thu hút lao động như đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tai nạn 24/24. Thời gian nghỉ ngơi: 7 ngày làm việc thì bố trí nghỉ 1 ngày.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con: Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Đà Nẵng (tiền thân là Trung tâm chế biến Gia súc Gia cầm Đà Nẵng)

Địa chỉ: 60 Đà Sơn 2, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

Vốn điều lệ, tỷ lệ góp vốn: 20 tỷ đồng, tương đương với 100% tỉ lệ sở hữu.

Cung cấp các dịch vụ giết mổ, chế biến gia súc gia cầm.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: dưới chỉ tiêu đề ra do các rủi ro nêu trên.

Công ty góp vốn: Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao Kenai

Địa chỉ: Số nhà 19, thôn Thanh Sơn, Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

Vốn điều lệ, tỷ lệ góp vốn: 26.4 tỷ đồng, tương đương với 48% tỉ lệ sở hữu.

Chuyên kinh doanh và sản xuất phân vi sinh hữu cơ.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Lợi nhuận trước thuế năm 2020 là 667.242.100 đồng

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | % thay đổi |
|-----|----------------------|-----------------|----------------|------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | | 48,354,260,776 | -2,2% |
| 2 | Doanh thu thuần | 22,434,829,741 | 13,251,305,076 | -40,9% |
| 3 | Lợi nhuận từ HĐKD | (2,652,631,283) | 643,242,060 | N/A |
| 4 | Lợi nhuận khác | (45,298,189) | 24,000,040 | N/A |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | | 667,242,100 | N/A |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | | 623,037,319 | N/A |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2020 |
|-----------------------------------|-----|----------|----------|
| Khả năng thanh toán | | | |
| Khả năng thanh toán ngắn hạn | Lần | 5.25 | 6.06 |
| Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 10.42 | 11.06 |
| Cơ cấu tài sản - nguồn vốn | | | |
| Chỉ số nợ/tổng nguồn vốn | % | 8.56 | 9.32 |
| Chỉ số nợ/VCSH | % | 9.36 | 9.42 |
| Chỉ số nợ ngắn hạn/tổng nguồn vốn | % | 4.30 | 4.21 |
| Chỉ số TS ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 44.93 | 36.28 |
| Chỉ số năng lực hoạt động | | | |

| | | | |
|-----------------------------------|------|---------|-------|
| Vòng quay các khoản phải thu | Vòng | 0.15 | 0.92 |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | N/A | N/A |
| Vòng quay tổng tài sản | Vòng | 0.45 | 0.87 |
| Chỉ số khả năng sinh lời | | | |
| Chỉ số LNST/Doanh thu thuần | % | (12.09) | 9.7 |
| Chỉ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROEA) | % | (0.60) | 12.96 |
| Chỉ số LNST/Tổng tài sản (ROAA) | % | (5.48) | 8.46 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) *Cổ phần*: Tổng số cổ phiếu là: 3.000.000, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000đ. Số cổ phiếu đó thuộc loại cổ phiếu phổ thông, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu là 0.

b) *Cơ cấu cổ đông*

| Cổ đông | Giá trị sở hữu (đồng) | Số lượng cổ phần (CP) | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------|
| I. Cổ đông trong nước | 30,000,000,000 | 3,000,000 | 100% |
| · <i>Cá nhân</i> | <i>15,900,000,000</i> | <i>1,590,000</i> | <i>53%</i> |
| - Cổ đông khác | 15,900,000,000 | 1,590,000 | 53% |
| · <i>Tổ chức</i> | <i>14,100,000,000</i> | <i>1,410,000</i> | <i>47%</i> |
| - CTCP Tonkin Spices | 14,100,000,000 | 1,410,000 | 47% |
| II. Cổ đông ngoài nước | - | - | 0% |
| · Cá nhân | - | - | 0% |
| · Tổ chức | - | - | 0% |
| Tổng | 30,000,000,000 | 3,000,000 | 100% |

CƠ CẤU TỶ LỆ SỞ HỮU

| Danh mục | Cổ đông trong nước | | | Cổ đông nước ngoài | | | Tổng | | |
|---|----------------------|----------------|-----------|----------------------|----------------|-----------|------------------------|----------------|-----------|
| | Số lượng sở hữu (CP) | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ (%) | Số lượng sở hữu (CP) | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ (%) | Số lượng cổ phiếu (CP) | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ (%) |
| Tổng số vốn thực góp | 3,000,000 | 30,000,000,000 | 100% | | | | 3,000,000 | 30,000,000,000 | 100% |
| Cổ đông sáng lập | - | - | | | | | - | - | 0% |
| Cổ đông tổ chức sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 1,410,000 | 14,100,000,000 | 47% | | | | 1,410,000 | 14,100,000,000 | 47% |
| Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 1,590,000 | 15,900,000,000 | 53% | | | | 1,590,000 | 15,900,000,000 | 53% |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu :

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức .

6.2. Tiêu thụ năng lượng :

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động : theo quy định của pháp luật

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của

UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, Công ty đã không đạt được một vài chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh so với kế hoạch đã đề ra, lý do:

- Những tháng đầu năm, dịch tả lợn Châu Phi từ giữa năm 2019 còn tồn đọng, tiếp đến là đại dịch Covid bùng phát, những khó khăn này dẫn đến sản lượng sản xuất sụt giảm đáng kể chỉ còn bằng 60% so với cùng kỳ năm 2019.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được thể hiện chi tiết trong Báo cáo tài chính 2020 đã được kiểm toán.

- Kết quả sản xuất kinh doanh nêu trên là Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Trong năm 2020 công ty đã đạt được những tiến bộ như sau:

+ Tinh giản hoạt động kinh doanh, rút toàn bộ vốn góp đầu tư với các cá nhân, chỉ tập trung vào một lĩnh vực chủ đạo: Cung cấp dịch vụ chế biến GSGC.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Năm 2020 tổng giá trị Tài sản của Công ty là 48,34 tỷ đồng, giảm 2,2% so với năm 2019.

b) Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả năm 2020 giảm so với cùng kỳ năm 2019 38,1%

Chỉ tiêu hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2020 là 6.06 cho biết công ty có 6.06 đồng tài sản ngắn hạn để thanh toán ngay cho 1 đồng nợ ngắn hạn, chỉ tiêu này năm 2019 là 5.25.

Chỉ tiêu hệ số thanh toán nhanh năm 2020 là 11,06 cho biết công ty có 11.06 đồng tiền và các khoản tương đương tiền để trang trải cho 1 đồng nợ ngắn hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Ngày 28/6/2020: Hội ĐHCĐ thông qua BCTC năm 2019 đã được kiểm toán, Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tập trung đầu tư vào lĩnh vực cung cấp dịch vụ giết mổ gia súc gia cầm và các sản phẩm thuộc về lĩnh vực này.

- Xây dựng chợ đầu mối súc sản bao gồm thịt heo, bò, gà cho thành phố Đà Nẵng.

- Góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, chăn nuôi theo công nghệ sạch.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công

05
TY
AM
AM
IA

ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải: công ty thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách bảo vệ môi trường, tuân thủ đầy đủ các báo cáo theo quy định của các cơ quan nhà nước.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: người lao động được đảm bảo việc làm, được đào tạo để có đủ kiến thức thực hiện các công việc chuyên môn

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: công ty tham gia đầy đủ và thường xuyên đóng góp cho các hoạt động cộng đồng

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

a. Công tác quản lý & điều hành kinh doanh

- Năm 2020, trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn thách thức, Hội đồng Quản trị (dưới đây viết tắt là HĐQT) đã sát cánh cùng Ban Điều hành, hỗ trợ và giám sát kịp thời các hoạt động của Ban Điều hành, xử lý các vấn đề khó khăn do Ban Điều hành đề xuất, mang lại hiệu quả quản lý cao và từng bước vượt qua những khó khăn, thử thách do môi trường kinh doanh đầy biến động, phức tạp.

- Các thành viên HĐQT nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, trong quản lý điều hành, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, cùng trao đổi bàn bạc để đi đến sự đồng thuận cao, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

- Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng điều lệ Công ty quy định. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT được lưu giữ theo đúng quy định.

b. Công tác nhân sự

- Công ty luôn chú trọng nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ quản lý, bổ nhiệm, luân chuyển phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- HĐQT đã tiến hành lấy phiếu tín nhiệm đối với các Trưởng phòng trong Công ty để có hướng đào tạo, luân chuyển vào các vị trí thích hợp.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định mọi vấn đề

liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thông qua hệ thống các Nghị quyết, Báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị định kỳ cũng như đột xuất.

- Báo cáo thường xuyên và kịp thời tình hình hoạt động của công ty: hàng tháng báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tình hình kinh doanh... để Hội đồng quản trị đưa ra các điều chỉnh về kịp thời về chiến lược khi tình hình thị trường có chuyển biến mới.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tập trung đầu tư vào lĩnh vực cung cấp dịch vụ chế biến gia súc gia cầm và các sản phẩm giá trị gia tăng thuộc lĩnh vực này.

- Xây dựng chợ đầu mối súc sản bao gồm thịt heo, bò, gà cho thành phố Đà Nẵng.

- Góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, chăn nuôi theo công nghệ sạch.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| TT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU | Tỷ lệ SHCP | GHI CHÚ |
|-----------|------------------|---------------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Lý Thu Quỳnh | - | 0.00% | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Phan Hồng Quân | - | 0.00% | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3 | Phạm Tuấn Anh | - | 0.00% | Thành viên HĐQT |

- Các chứng khoán khác do công ty phát hành: Không có

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT thường xuyên theo dõi các hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua rà soát để nâng cao hiệu quả quản trị đối với hoạt động điều hành Công ty trong bối cảnh thị trường thủy hải sản và nền kinh tế nhiều biến động lớn, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh, vì lợi ích của Cổ đông, kiểm soát và hạn chế rủi ro, tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham gia các cuộc họp xây dựng, định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty, ban hành các văn bản chỉ đạo và các quyết định liên quan

đến các vấn đề cơ cấu tổ chức nhân sự cấp cao, xây dựng hệ thống quy chế, quy trình cho các hoạt động nghiệp vụ.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Phó chủ tịch HĐQT – ông Phan Hồng Quân

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

| TT | HỌ VÀ TÊN | SỐ CP SỞ HỮU | Tỷ lệ HCP | GHI CHÚ |
|----|---------------------|--------------|-----------|----------------|
| 1 | Bùi Thanh Thúy | - | 0.00% | Trưởng BKS |
| 2 | Nguyễn Văn Quý | - | 0.00% | Thành viên BKS |
| 3 | Nguyễn Thị Xuân Thu | - | 0.00% | Thành viên BKS |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

• Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát có 03 thành viên, hầu hết các thành viên đều thực hiện công tác kiêm nhiệm tại Ban kiểm soát, do đó thời gian hoạt động hết sức hạn chế. Mặc dầu vậy, các thành viên Ban kiểm soát cũng đã sắp xếp thời gian để thực hiện tốt nhiệm vụ.

• Số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát: Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã tổ chức họp được 4 lần (mỗi quý tổ chức họp 1 lần)

• Nội dung và kết quả của các cuộc họp: Kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo quyết toán các quý. Kiểm tra quá trình thực hiện các nghị quyết của HĐQT đối với Ban điều hành về các vấn đề như xây dựng cơ bản, đầu tư trang thiết bị tại Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Đà Nẵng (tiền thân là Trung tâm Chế biến Gia súc, gia cầm Đà Nẵng). Cảnh báo những rủi ro và các khoản lỗ tiềm ẩn, đưa ra các hướng xử lý để cùng HĐQT, BĐH giải quyết các vấn đề còn tồn tại tại Công ty

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao đối với Tổng giám đốc (Bậc 1): 14.000.000/ tháng.

Lương, thưởng, thù lao đối với Tổng giám đốc (Bậc 2): 18.000.000/ tháng.

Lương, thưởng, thù lao đối với phó Tổng giám đốc (Bậc 1): 10.000.000/ tháng.

Lương, thưởng, thù lao đối với phó Tổng giám đốc (Bậc 2): 14.000.000/ tháng.

Lương, thưởng, thù lao đối với Kế toán trưởng (Bậc 1): 9.000.000/ tháng.

Lương, thưởng, thù lao đối với Kế toán trưởng (Bậc 2): 12.000.000/ tháng.

b) *Giao dịch cổ phiếu và cổ đông nội bộ*: không phát sinh giao dịch

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*: không phát sinh giao dịch

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty*: thực hiện theo quy định của pháp luật

VI. Báo cáo tài chính

1. *Ý kiến kiểm toán*: chấp thuận toàn bộ

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (Đính kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LÝ THU QUỲNH

